

T, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Anh Cán Xuân D, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Cán Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 21-12-2009.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng chung sống không hòa hợp. Chị T, anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị Nguyễn Thị T và anh Cán Xuân D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn của chị T và anh D đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị T và anh Cán Xuân D yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Cán Xuân D xác nhận có 02 con chung là Cán Phương A, sinh ngày 08/12/2011 và Cán Xuân T1, sinh ngày

13/10/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận anh Cấn Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cấn Xuân T1, sinh ngày 13/10/2013, chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cấn Phương A, sinh ngày 08/12/2011.

Xét thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung*: Trước khi chị T và anh D gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, anh chị đã có biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung. Chị Nguyễn Thị T và anh Cấn Xuân D thống nhất giao cho chị Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng gồm các tài sản sau:

01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2012, tổng diện tích 02 sàn là 150m², 01 sân lát gạch xây năm 2014 diện tích 28m²; 01 tường bao xây tường 110mm hai bên, một bên cao 1,2m dài 7m, một bên cao 1,5m dài 7m; 01 cổng xây 02 trụ 400 x 400mm cao 2,5m, cánh cổng bằng thép hình tổ hợp kích thước 2500 x 2500 mm; Toàn bộ tài sản trên thửa đất số 103 diện tích 115,5m² tại Khu Đ, thôn C, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Phía Đông giáp với đường liên xã dài 5,5m. Phía Tây giáp với đất canh tác dài 5,5m. Phía Nam giáp với (mương tập thể) dài 21m. Phía Bắc giáp với thửa 102 dài 21m.

Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho anh D số tiền 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) là khoản tiền trích trả tài sản chung của vợ chồng.

[4] *Về công nợ chung*: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về lệ phí*: Chị Nguyễn Thị T, anh Cấn Xuân D phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T và anh Cấn Xuân D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải thì đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định điểm d, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Cấn Xuân D.

- Về con chung: Anh Cấn Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cấn Xuân T1, sinh ngày 13/10/2013, chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cấn Phương

A, sinh ngày 08/12/2011. Chị Nguyễn Thị T và anh Cấn Xuân D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung vợ chồng:

Giao cho chị Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2012, tổng diện tích 02 sàn là 150m², 01 sân lát gạch xây năm 2014 diện tích 28m²; 01 tường bao xây tường 110mm, 01 đoạn tường bao phía Bắc chiều cao 1,2m dài 7m, 01 đoạn tường bao phía Nam cao 1,5m dài 7m; 01 cổng xây 02 trụ 40cm x 40cm, cao 2,5m, cánh cổng bằng thép hình tổ hợp có chiều rộng 2,4m, chiều cao 2,5m.

Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 103 diện tích 115,5m² tại Khu Đ, thôn C, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Phía Đông giáp với đường liên xã dài 5,5m. Phía Tây giáp với đất canh tác dài 5,5m. Phía Nam giáp với (mương tập thể) dài 21m. Phía Bắc giáp với thửa 102 dài 21m.

Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho anh Cấn Xuân D số tiền 375.000.000 đồng là khoản tiền trích trả tài sản chung của vợ chồng.

- Về công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AB/2014/06573 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Anh Cấn Xuân D phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AB/2014/06574 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị T và anh Cấn Xuân D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Yên

